

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 6 - 2020

V/v ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Thiện  
và chị Hoàng Thị Kim Dung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Ngọc Bích

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trương Thị Dung, ông Nguyễn Trọng Tảo.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệu Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2020/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXXST - HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Kim D – Sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Hiện chuyển đến cư trú tại: Thôn L, xã K, huyện H, tỉnh T.

Tại phiên tòa: Anh T, chị D xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2020, bản tự khai đề ngày 02/4/2020, nguyên đơn Anh T trình bày:

Anh và Chị Hoàng Thị Kim D đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh N vào năm 2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ

chồng anh, chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không có hạnh phúc, hay xảy ra cãi vã, to tiếng. Anh xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, khả năng hàn gắn là không thể, không còn tình cảm với chị D nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho chị D. Căn cứ vào Bản tự khai đề ngày 02/4/2020, Biên bản làm việc với chính quyền địa phương xã Y, huyện Y, tỉnh N ngày 06/4/2020, xác định được: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn - chị D không còn sinh sống và làm việc tại địa chỉ thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh N nữa (địa chỉ ban đầu anh T cung cấp khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án). Hiện nay, chị D đã chuyển về sinh sống và làm việc tại địa chỉ mới ở Thôn L, xã K, huyện H, tỉnh T. Vì vậy, Tòa án đã ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ gửi đến Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; ngày 13/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Ý Yên nhận được kết quả ủy thác. Cụ thể:

Theo Bản tự khai đề ngày 29/4/2020 nộp tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, bị đơn chị D trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, chị D trình bày phù hợp với lời khai của anh T. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau lời qua tiếng lại, chị và anh T có thời gian sống ly thân nhau từ tháng 5/2018 đến nay. Nay anh T xin ly hôn chị cũng nhất trí.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T, chị D đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã không tiến hành hòa giải và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Anh T, chị D có đơn xin vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Anh T, chị D đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

- Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T .

- Về con chung: Không có.

- Các vấn đề khác có liên quan: Anh T, chị D không yêu cầu giải quyết.

- Anh T có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, Chị Hoàng Thị Kim D có nơi sinh sống và làm việc tại Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh N. Yêu cầu khởi kiện của Anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên là phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa Anh T, chị D được xác lập năm 2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, hay xảy ra cãi vã, to tiếng. Thời gian anh chị sống ly thân đã lâu. Anh T, chị D cùng xác định không còn tình cảm với nhau nên xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của Anh T, chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Anh T, xử cho Anh T, chị D ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Không có.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh T, chị D không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa Anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị Kim D.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh T, chị D không yêu cầu giải quyết.
4. Về án phí:

Án phí sơ thẩm ly hôn: Anh T phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001380, ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định Anh T đã nộp đủ án phí.

Anh T, chị D được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã Y: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Ngọc Bích**